

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Duy Toàn - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H - sinh năm: 1995; Địa chỉ: K H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Trần Anh T - sinh năm: 1994; Địa chỉ: K N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Anh T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Đà Nẵng (nay là phường H, Đà Nẵng). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại phường H, thành phố Đà Nẵng; Quá trình chung sống thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ông T thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập tôi nên tôi bỏ đi từ năm 2016 đến nay không sống chung với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có cuộc sống chung vợ chồng.

Tôi xác định tình cảm không còn, nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Anh T.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bích H khai nhận có 01 con chung tên Trần Nguyễn Bảo N - sinh ngày 19/11/2014. Ly hôn, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Bích H là giao cháu Trần Nguyễn Bảo N cho ông Trần Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18

tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn - ông Trần Anh T không hợp tác, không tham gia hòa giải, nên không có bản trình bày tại hồ sơ.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

+ Về người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích H1 ông Trần Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 22/4/2026 và cũng như phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông Trần Anh T, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xử vắng mặt ông Trần Anh T.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H đối với ông Trần Anh T, thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Anh T kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Đà Nẵng (nay là phường H, Đà Nẵng). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Nguyễn Thị Bích H khai nhận thì quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập bà H nên bà H bỏ đi từ năm 2016 đến nay không sống chung với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có cuộc sống chung vợ chồng. Nay bà Nguyễn Thị Bích H xác định tình cảm không còn, đời sống chung vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục được nên mong muốn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Anh T.

Phía ông Trần Anh T thì không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải.

HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân là trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng là phải do các bên tự nguyện tạo lập, mục đích của hôn nhân là làm cho cuộc sống vui vẻ và hạnh phúc hơn. Việc bà Nguyễn Thị Bích H cho rằng nguyên nhân dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc là do ông Trần Anh T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, bà H xác định không còn tình cảm với ông Trần Anh T, nên mong muốn được ly hôn với ông T. Trong khi đó, ông Trần Anh T có thái độ không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải và tại phiên tòa, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông Trần Anh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ông Trần Anh T không tôn trọng Pháp luật và thiếu thiện chí trong việc hàn gắn cuộc hôn nhân của mình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Trần Anh T, như đề nghị của đại diện VKS Khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bích H ông Trần Anh T có 01 con chung tên Trần Nguyễn Bảo N - sinh ngày 19/11/2014. Ly hôn, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Bích H là giao cháu Trần Nguyễn Bảo N cho ông Trần Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

HĐXX xét thấy, tại bản tự khai cháu Trần Nguyễn Bảo N có nguyện vọng được ở với Ba và ông N1, xác minh tại địa phương thì: ông T bà H có 01 con tên Trần Nguyễn Bảo N, đang sống chung với ông T và ông bà N1. Do vậy không cần thiết phải thay đổi môi trường sống của cháu, căn cứ vào nguyện vọng của con, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật HNGĐ, HĐXX giao cháu Trần Nguyễn Bảo N cho ông Trần Anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc bà Nguyễn Thị Bích H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, nguyện vọng của bà H đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cháu N, phù hợp với quy định của Pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích H xác định không có, nên HĐXX không xét. Sau này, các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” của bà Nguyễn Thị Bích H đối với ông Trần Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1995 được ly hôn với ông Trần Anh T, sinh năm: 1994.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho ông Trần Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Bảo N - sinh ngày 19/11/2014. Bà Nguyễn Thị Bích H tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng tính từ tháng 6/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp tại Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng theo biên lai thu số 0000153 ngày 08 tháng 01 năm 2026.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- Phòng THA.DS KV4;
- UBND P.Hải Vân.
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình

